Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: .....

Mã hồ sơ: .....

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☑; Nội dung không đúng thì để trống:☐)

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☑; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên☑; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Y học..... Chuyên ngành: Y tế công cộng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: DƯƠNG MINH ĐỨC

2. Ngày tháng năm sinh: 18/12/1984; Giới tính: Nam ☑; Nữ ☐

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: Không

4. Quê quán: Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội (Hà Tây cũ)

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 48, Tổ 12, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: Dương Minh Đức, Số 62C, ngáchh 27/29, đường Võ Chí Công, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: x;

Điện thoại di động: 098.331.8912;

E-mail: dmd@huph.edu.vn

Scanned with CamScanner

7. Quá trình công tác:

- Từ ngày 01 tháng 08 năm 2006 đến nay: Giảng viên Khoa Khoa học xã hội – Hành vi & Giáo dục sức khỏe, Trường Đại học Y tế công cộng

Chức vụ hiện nay: Phó giám đốc Trung tâm nghiên cứu Khoa học sức khoẻ, Trường Đại học Y tế công cộng

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó phòng phụ trách phòng Quản lý Khoa học Công Nghệ, Trường Đại học Y tế công cộng

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Y tế công cộng

Địa chỉ cơ quan: Số 1A Đức Thắng, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024.62662322

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): x

8. Đã nghỉ hưu từ: x

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): x

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): x

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 26 tháng 6 năm 2006, ngành Y tế công cộng, tên ngành: Y tế công cộng.
  Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Y tế công cộng, Việt Nam
- Được cấp bằng TSKH ngày 27 tháng 03 năm 2017, ngành: Y tế công cộng, chuyên ngành: Khoa học sức khoẻ.
- Nơi cấp bằng TSKH: Trường Đại học Uppsala, Thuỵ Điển

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: x

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y tế công cộng

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu: Trọng tâm nghiên cứu về Y tế công cộng trong đó bao gồm các hướng nghiên cứu chính như sau:

- Nghiên cứu về Sức khoẻ sinh sản, tập trung vào Sức khoẻ Bà mẹ - Trẻ em, Vị thành niên và Người cao tuổi
- Nghiên cứu về hệ thống y tế, tập trung vào hệ thống chính sách và cung cấp dịch vụ liên quan tới Bà mẹ - Trẻ em
- Nghiên cứu dịch tễ trong đó tập trung vào tỷ lệ mắc và hành vi nguy cơ của bệnh không lây nhiễm và bệnh mới nổi (COVID-19)

Scanned with CamScanner

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **25 HVCH** bảo vệ thành công luận văn, trong đó có 11 học viên Chuyên khoa II và 14 học viên Thạc sỹ.
- Đã chủ nhiệm và hoàn thành **02** đề tài NCKH cấp cơ sở bảo vệ thành công
- Đã công bố **51** bài báo khoa học, trong đó có **31** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (ISI/Scopus/Pubmed):
    - 17 bài báo khoa học được xuất bản trước khi hoàn thành chương trình nghiên cứu sinh tháng 3/2017 (13 bài quốc tế)
    - 34 bài báo khoa học được xuất bản sau khi tốt nghiệp tiến sỹ tháng 3/2017 (18 bài quốc tế)
- Số lượng sách đã xuất bản: **10**, trong đó có 02 cuốn sách giáo trình và 08 cuốn sách tham khảo đều thuộc nhà xuất bản có uy tín trong nước;
- Hiện đang là thư ký 01 đề tài cấp Bộ (dự kiến bảo vệ tháng 11/2021) và chủ nhiệm 01 đề tài hợp tác quốc tế về Điều trị Lao của người nhập cư trong đại dịch COVID-19

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2017	Giấy khen Hiệu trưởng là "Nghiên cứu viên tiêu biểu" năm học 2016-2017	Quyết định Khen thưởng số 1953/QĐ-YTCC ngày 30/11/2017, Trường Đại học Y tế công cộng
2017	Bằng khen của Bộ trưởng Y tế đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi năm 2017	Quyết định Khen thưởng số 1947/QĐ-BYT ngày 17/5/2017, Bộ Y tế
2019	Bằng khen của Bộ trưởng Y tế đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm học 2017-2018	Quyết định Khen thưởng số 987/QĐ-BYT ngày 15/3/2019, Bộ Y tế
2020	Giấy khen Hiệu trưởng tích cực trong thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020	Quyết định Khen thưởng số 828/QĐ-YTCC ngày 30/9/2020, Trường Đại học Y tế công cộng
2020	Bằng khen của Bộ trưởng Y tế đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm học 2018-2019	Quyết định Khen thưởng số 261/QĐ-BYT ngày 3/2/2020, Bộ Y tế
2021	Bằng khen của Bộ trưởng Y tế đã có nhiều thành tích, đóng góp trong quá trình xây dựng và phát triển Nhà trường	Quyết định Khen thưởng số 1310/QĐ-BYT ngày 17/2/2021, Bộ Y tế

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): KHÔNG

Scanned with CamScanner

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Hoàn thành tốt

- **Về phẩm chất đạo đức**: Tôi luôn giữ gìn phẩm chất đạo đức, uy tín, và danh dự của một nhà giáo. Tôi luôn chấp hành mọi nội quy của Nhà trường; chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Bên cạnh đó, tôi luôn hoàn thành trách nhiệm được nhà trường giao phó như thực hiện kiêm nhiệm nhiệm vụ chuyên viên phòng Hợp tác quốc tế giai đoạn 2014-2018, phó phòng phụ trách phòng Quản lý Khoa học – Công nghệ (2018-2019). Hiện nay, tôi đang giữ chức Phó giám đốc Trung tâm nghiên cứu Khoa học sức khoẻ.
- **Về công tác giảng dạy**: Tôi đã cùng tham gia xây dựng và chủ trì nhiều đề cương các môn học, bài học, và các tài liệu giảng dạy cho 2 môn học Sức khoẻ sinh sản (cho cử nhân) và Bảo vệ Sức khoẻ Bà mẹ - Trẻ em (cho cao học) của Nhà trường. Tôi đã giảng dạy trực tiếp các môn học liên quan tới Sức khoẻ sinh sản (cho cử nhân) và Bảo vệ Sức khoẻ Bà mẹ - Trẻ em (cho cao học); môn phương pháp nghiên cứu định tính (cho cả cử nhân và thạc sỹ). Ngoài ra, tôi tham gia hướng dẫn luận văn/luận án tiến sỹ về Y tế công cộng, thạc sỹ Y tế cộng cộng, thạc sỹ Quản lý bệnh viện, và chuyên khoa II Tổ chức quản lý y tế. Tôi cũng tham gia chấm hội đồng đề cương, hội đồng bảo vệ luận văn tiến sỹ, thạc sỹ, CKII về y tế công cộng và quản lý bệnh viện.
- **Về công tác nghiên cứu khoa học**: Tôi tham gia tích cực viết đề xuất và đấu thầu các nghiên cứu và xuất bản kết quả các nghiên cứu. Tôi đã làm chủ nhiệm 02 đề tài cấp cơ sở, tham gia vào 02 đề tài trong nước cấp Nhà nước và cấp Bộ và nhiều đề tài nghiên cứu hợp tác quốc tế. Tôi cũng là thành viên trong Ban biên tập của Tạp chí Khoa học Nghiên cứu sức khỏe và Phát triển. Các kết quả nghiên cứu của đề tài có ý nghĩa có thể sử dụng làm tham khảo cho các nghiên cứu tiếp theo và là nội dung giảng dạy của một số môn học trong chương trình đào tạo của Nhà trường. Ngoài ra, các kết quả nghiên cứu đều được xuất bản trong các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế, trong đó các bài báo đều đăng tải trên các tạp chí thuộc Nhà xuất bản có uy tín (danh mục ISI, Scopus, Pubmed). Tôi đã công bố 51 bài báo khoa học, trong đó có 31 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (ISI/Scopus/Pubmed). Theo thống kê của trang Google Scholar, tôi có chỉ số h-index là 12, chỉ số i10-index là 13 với 417 lần trích dẫn các bài báo (https://scholar.google.com/citations?user=0-PRAwEAAAAJ&hl=en&authuser=1). Các bài báo của tôi được trích dẫn nhiều nhất là 72 lần (Bài báo "*Effect of facilitation of local maternal-and-newborn stakeholder groups on neonatal mortality: cluster-randomized controlled trial*" năm 2013). Bài báo TS. Đức đứng là tác giả chính được trích dẫn nhiều nhất là 54 lần (Bài "*Health system context and implementation of evidence-based practices - Development and validation of the Context Assessment for Community Health (COACH) tool for low- and middle-income settings*" năm 2015).

Scanned with CamScanner

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số: 15 năm thâm niên đào tạo, trong đó từ 2006-2011 tham gia trợ giảng; 2011-2017 tham gia trợ giảng và giảng thực hành; 2017-nay tham gia giảng chính
- Cụ thể 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016	0	0	0	0	119	82	201/269/135
2	2016-2017	0	0	0	0	65	23	88/161/135
3	2017-2018	0	0	3	1	102	150	252/425/280
3 năm học cuối								
4	2018-2019	0	1	7	1	179	165	344/393/140
5	2019-2020	1	0	8	0	301	262	563/626/280
6	2020-2021	0	0	9	0	203	225	428/903/280

Ghi chú:

- *Năm học 2015-2016 và 2016-2017 được miễn giảm 50% số giờ giảng định mức trong thời gian đang học nghiên cứu sinh (theo quyết định số 915/QĐ-ĐHYTCC năm 2016 của trường Đại học Y tế công cộng)*
- *Năm học 2018-2019 được miễn giảm 50% số giờ giảng định mức trong thời gian giữ chức phó phòng chịu trách nhiệm của Phòng Quản lý Khoa học Công nghệ (theo quyết định số 915/QĐ-ĐHYTCC năm 2016 (theo quyết định số 915/QĐ-ĐHYTCC năm 2016 của trường Đại học Y tế công cộng)*

Scanned with CamScanner

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒ :

- Bảo vệ luận văn TS ☒ tại Thuỵ Điển năm 2017

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước □ : x

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: .....số bằng: .....; năm cấp:...

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài □: x

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ : .....
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác □ ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): .....

Scanned with CamScanner

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ .... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK 2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Lương Việt Phùng		x	x		2/2018-10/2018	Trường ĐH Y tế công cộng	QĐ số 2379/QĐ-ĐHYTCC ngày 26/10/2018
2	Nguyễn Thị Hà		x	x		2/2019-10/2019	Trường ĐH Y tế công cộng	QĐ số 1054/QĐ-ĐHYTCC ngày 25/11/2020
3	Đặng Ngọc Liễn		x	x		2/2018-9/2018	Trường ĐH Y tế công cộng	QĐ số 2379/QĐ-ĐHYTCC ngày 26/10/2018
4	Đỗ Xuân Hùng		x		x	2/2020-9/2020	Trường ĐH Y tế công cộng	QĐ số 116/QĐ-ĐHYTCC ngày 19/3/2021
5	Nguyễn Thị Hương		x	x		3/2019-1/2020	Trường ĐH Y tế công cộng	QĐ số 233/QĐ-ĐHYTCC ngày 06/4/2020
6	Khúc Thị Thanh Vân		x		x	2/2019-10/2019	Trường ĐH Y tế công cộng	QĐ số 306/QĐ-ĐHYTCC ngày 04/05/2020
7	Phan Thị Thuỳ Dương		x		x	2/2019-10/2019	Trường ĐH Y tế công cộng	QĐ số 1563/QĐ-ĐHYTCC ngày 24/12/2019
8	Nguyễn Phương Anh		x	x		2/2020-10/2020	Trường ĐH Y tế công cộng	QĐ số 1046/QĐ-ĐHYTCC ngày 22/11/2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

Scanned with CamScanner

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang … đến trang)	Xác nhận của CS GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Giáo trình Sức khoẻ Sinh sản (Sách dành cho Cử nhân Y tế Công cộng)	GT	Nhà xuất bản Y học (2016)	4	Không	68-102 trong tổng số 153 trang (Chương 6 và Chương 7)	• Biên bản 02/BB-HDKKHXH ngày 10/12/2015 • Xác nhận ngày 22/9/2015 • Xác nhận sử dụng sách ngày 25/7/2021
2	Giáo trình Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em (Sách dành cho Cao học và Chuyên khoa I Y tế Công cộng)	GT	Nhà xuất bản Y học (2016)	5	Không	74-94 trong tổng số 120 trang (Phần 2.4)	• Biên bản 02/BB-HDKKHXH ngày 10/12/2015 • Xác nhận ngày 22/9/2015 • Xác nhận sử dụng sách ngày 25/7/2021
3	Sức khoẻ sinh sản: Áp dụng phương pháp giảng dạy dựa trên tình huống (SBL) – Tài liệu cho Giảng viên	TK	Nhà xuất bản Lao động xã hội (2010)	4	Không	1/4 trong tổng số 80 trang	• Quyết định của Hội đồng KH-ĐT Trường ĐHYTCC ngày 27/10/2009 • Xác nhận sử dụng sách ngày 25/7/2021
4	Sức khoẻ sinh sản: Áp dụng phương pháp giảng dạy dựa trên tình huống (SBL) – Tài liệu cho Học viên	TK	Nhà xuất bản Lao động xã hội (2010)	4	Không	1/4 trong tổng số 35 trang	• Quyết định của Hội đồng KH-ĐT Trường ĐHYTCC ngày 27/10/2009 • Xác nhận sử dụng sách ngày 25/7/2021
5	Bảo vệ Sức khoẻ Bà mẹ - Trẻ em (Tài liệu dành cho Giảng viên giảng dạy cho đối tượng Cao	TK	Nhà xuất bản Bách Khoa – Hà Nội (2009)	4	Không	1/4 trong tổng số 54 trang	• Quyết định của Hội đồng KH-ĐT Trường ĐHYTCC ngày 12/03/2008 • Xác nhận sử dụng sách ngày 25/7/2021

Scanned with CamScanner

	học Y tế Công cộng)						
6	Bảo vệ Sức khoẻ Bà mẹ - Trẻ em (Tài liệu dành cho Học viên Cao học Y tế Công cộng)	**TK**	Nhà xuất bản Bách Khoa – Hà Nội (2009)	**4**	Không	1/4 trong tổng số 31 trang	• Quyết định của Hội đồng KH-ĐT Trường ĐHYTCC ngày 12/03/2008 • Xác nhận sử dụng sách ngày 25/7/2021
7	Hướng dẫn chuẩn bị Tài liệu Dạy – Học: Áp dụng phương pháp giảng – dạy dựa trên vấn đề (Problem Based Learning)	**TK**	Nhà xuất bản Bách Khoa – Hà Nội (2009)	**3**	Không	1/2 trong tổng số 57 trang	• Quyết định của Hội đồng KH-ĐT Trường ĐHYTCC ngày 12/03/2008 • Xác nhận sử dụng sách ngày 25/7/2021
8	Báo cáo về Quá trình hoạch định chính sách y tế tại Việt Nam: Mối tương quan và Các yếu tố ảnh hưởng	**TK**	Nhà xuất bản Y học (2009)	**11**	Không	1/10 trong tổng số 245 trang	• Quyết định của Hội đồng KH-ĐT Trường ĐHYTCC ngày 09/02/2009 • Xác nhận sử dụng sách ngày 25/7/2021
9	Nghiên cứu về Sức khoẻ sinh sản tại Việt Nam: Báo cáo rà soát các nghiên cứu giai đoạn 2000-2005	**TK**	Nhà xuất bản Giao thông Vận tải (2007)	**5**	Không	1/4 trong tổng số 60 trang	• Quyết định của Hội đồng KH-ĐT Trường ĐHYTCC ngày 31/12/2008 • Xác nhận sử dụng sách ngày 25/7/2021
10	Quá trình chính sách chăm sóc sức khoẻ bà mẹ tại Việt Nam và Một số bài học kinh nghiệm	**CK**	Nhà xuất bản Y học (2015)	7	Không	1/5 trong tổng số 194 trang	• Quyết định số 08/BB- HĐKH-ĐT của Hội đồng KH-ĐT Trường ĐHYTCC ngày 22/09/2005 • Xác nhận sử dụng sách ngày 25/7/2021
II	**Sau khi được công nhận PGS/TS**						

Scanned with CamScanner

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [ ],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	ĐT: Đánh giá hành vi nguy cơ của Vị thành Niên tại Hà Nội năm 2019	**CN**	01.17-17.CS-HUPH, Cấp cơ sở	Tháng 7/2017 đến tháng 12/2017	25/2/2020/ Khá
2	ĐT: Tác động của dịch COVID-19 tới sinh kế của lao động di cư tại một số khu công nghiệp lớn tại Hà Nội và Quảng Trị	**CN**	06.18-18.CS-HUPH, Cấp cơ sở	Tháng 10/2018 đến tháng 9/2020	1/4/2021/ Khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

Scanned with CamScanner

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	**Trước khi được công nhận PGS/TS**							
Bài báo khoa học quốc tế								
1.	Factors associated with four or more antenatal care services among pregnant women: a cross-sectional survey in eight South Central Coast provinces of Vietnam	5	Không	International Journal of Women's Health/ 1179-1411	Tạp chí ISI, Scopus (IF: 2.773)	28	7: 699-706	7/2015
2.	Utilization of services provided by village based ethnic minority midwives in mountainous villages of Vietnam	7	Không	International Journal of Women's Health/ 1179-1411	Tạp chí ISI, Scopus (IF: 2.773)	12	8:571-580	10/2016
3.	Implementing knowledge into practice for improved neonatal survival; a cluster-randomised, community-based trial in Quang Ninh province, Vietnam	9	Không	BMC Health Services Research/ 1472-6963	Tạp chí ISI, Scopus (IF: 2.655)	35	11:239	9/2011
4.	Lessons learned from stakeholders in a	7	Không	BMC Pregnancy and	Tạp chí ISI, Scopus	9	13(1):234	12/2013

Scanned with CamScanner

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	facilitation intervention targeting neonatal health in Quang Ninh province, Vietnam			Childbirth/ 1471-2393	(IF: 3.007)			
5.	Effect of Facilitation of Local Maternal-and-Newborn Stakeholder Groups on Neonatal Mortality: Cluster-Randomized Controlled Trial	12	Không	PLoS Medicine/ 1549-1277	Tạp chí ISI, Scopus (IF: 11.07)	59	10(5):e1001445	5/2013
6.	Process evaluation of a knowledge translation intervention using facilitation of local stakeholder groups to improve neonatal survival in the Quang Ninh province, Vietnam	12	Không	Trials / 1549-1277	Tạp chí ISI, Scopus (IF: 2.279)	21	17:23	1/2016
7.	Health system context and implementation of evidence-based practices-development and validation of the Context Assessment for Community Health	19	**Có**	Implementation Science/ 1748-5908	Tạp chí ISI, Scopus (IF: 7.327)	44	10(1):120	12/2015

Scanned with CamScanner

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	(COACH) tool for low- and middle-income settings							
8.	Response process and test–retest reliability of the Context Assessment for Community Health tool in Vietnam	6	**Có**	Global Health Action/ 1654-9716	Tạp chí ISI, Scopus (IF: 2.640)	6	9(1)	6/2016
9.	Exploring the influence of context in a community-based facilitation intervention focusing on neonatal health and survival in Vietnam: a qualitative study	6	**Có**	BMC Public Health / 1654-9716	Tạp chí ISI, Scopus (IF: 3.295)	12	15(1):814	8/2015
10.	Potential Impact of Graphic Health Warnings on Cigarette Packages in Reducing Cigarette Demand and Smoking-Related Deaths in Vietnam	10	Không	Asian Pacific journal of cancer prevention / 1513-7368	Tạp chí Scopus (IF: 1.813)	4	17(sup1): 85-90	4/2016
11.	Changes in Co-Occurrence of Smoking and Harmful Drinking among Youth: a Study from the Chi Linh Demographic -	4	**Có**	Asian Pacific journal of cancer prevention / 1513-7368	Tạp chí Scopus (IF: 1.813)	8	17(sup1): 55-63	4/2016

Scanned with CamScanner

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Epidemiological Surveillance System in Vietnam							
12.	Smoking Initiation and Cessation among Youths in Vietnam: A Longitudinal Study Using the Chi Linh Demographic-Epidemiological Surveillance System (CHILILAB DESS)	4	Có	AIMS Public Health/ 2327-8994	Tạp chí Pubmed (IF: x)	1	4(1):1-1	12/2016
13.	Policy processes underpinning universal health insurance in Vietnam	5	Có	Global Health Action/ 1654-9716	Tạp chí ISI, Scopus (IF: 2.640)	12	7(1):249 28	9/2014
14.	Sex Ratio at Birth in Vietnam: Results From Data in CHILILAB HDSS, 2004 to 2013	8	Có	Asia-Pacific Journal of Public Health/ 1010-5395	Tạp chí ISI, Scopus (IF: 1.399)	7	29(5_sup pl):25S-34S	7/2017
15.	A Secular Trend in Birth Weight and Delivery Practices in Periurban Vietnam During 2005-2012	6	Có	Asia-Pacific Journal of Public Health/ 1010-5395	Tạp chí ISI, Scopus (IF: 1.399)	4	29(5_sup pl):18S-24S	7/2017
16.	Progress on maternal health care in Vietnam: Findings from Vietnam	6	Không	Health Care For Women International/ 0739-	Tạp chí ISI, Scopus (IF: 1.046)	8	39(4):368-376	4/2018

Scanned with CamScanner

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Multiple Indicator Cluster Survey 2000, 2006, 2011, and 2014			9332				
17.	The Association Between Gender Inequalities and Women's Utilization of Maternal Health Services: A Cross-Sectional Survey in Eight South Central Coast Provinces, Vietnam	7	Có	Journal of public health management and practice/ 1078-4659	Tạp chí ISI, Scopus (IF: 1.791)	2	24 Suppl 2:S19-S27.	3/2018
18.	Amniocentesis test uptake for congenital defects: Decision of pregnant women in Vietnam	7	Có	Health Care For Women International/ 0739-9332	Tạp chí ISI, Scopus (IF: 1.046)	2	39(4):493-504	1/2018
19.	Secular trend, seasonality and effects of a community-based intervention on neonatal mortality: follow-up of a cluster-randomised trial in Quang Ninh province, Vietnam	14	Không	Journal of Epidemiology and Community Health/ 1470-2738	Tạp chí ISI, Scopus (IF: 3.71)	1	72(9):776-782	5/2018
20.	The Utilization of Maternal Healthcare Services Among Ethnic Minority	11	Không	Journal of Racial and Ethnic Health Disparities	Tạp chí ISI, Scopus (IF:	1	8(3):723-731	8/2020

Scanned with CamScanner

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Populations in Vietnam			/ 2196-8837	2.192)			
21.	Suicidal behaviors and depression among adolescents in Hanoi, Vietnam: A multilevel analysis of data from the Youth Risk Behavior Survey 2019	6	Không	Health Psychology Open/ 2055-1029	Tạp chí Scopus, Pubmed (Q2)	1	7(2): 2055102 9209547 11	7/2020
22.	Factors associated with depression among the elderly living in rural Vietnam 2019: Recommendations to remove barriers of psychological service accessibility	5	Không	International Journal of Mental Health Systems/ 1752-4458	Tạp chí ISI, Scopus (IF: 2.940)	1	50(4):1-15	12/2020
23.	Is evidence-informed urban health planning a myth or reality? Lessons from a qualitative assessment in three Asian cities	12	Không	Health Policy and Planning/ 1460-2237	Tạp chí ISI, Scopus (IF: 3.344)	2	34(10):1-11	12/2019
24.	Improving household surveys and use of data to address health inequities in three Asian cities: protocol for the Surveys for Urban Equity	25	Không	BMJ Open/ 2044-6055	Tạp chí ISI, Scopus (IF: 2.692)	20	8(11):e02 4182	11/2018

Scanned with CamScanner

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	(SUE) mixed methods and feasibility study							
25.	Addressing Unintentional Exclusion of Vulnerable and Mobile Households in Traditional Surveys in Kathmandu, Dhaka, and Hanoi: a Mixed-Methods Feasibility Study	22	Không	Journal of Urban Health/ 1468-2869	Tạp chí ISI, Scopus (IF: 3.671)	5	98(1):111-129	2/2021
26.	Health-related quality of life and associated factors among patients with type II diabetes mellitus: A study in the family medicine center (FMC) of Agricultural General Hospital in Hanoi, Vietnam	4	**Có**	Health Psychology Open/ 2055-1029	Tạp chí Scopus, Pubmed (Q2)	0	8(1):2055102921 99617	2/2021
27.	Perceived Barriers to Mental Health Services among the Elderly in the Rural of Vietnam: A Cross Sectional Survey in 2019	8	Không	Health Services Insights	Tạp chí Pubmed (Q2)	0	14:11786329211 0260	6/2021
28.	Prevalence of autism spectrum disorders and their relation to	9	Không	International Journal of Mental Health	Tạp chí ISI, Scopus	10	13:29	4/2019

Scanned with CamScanner

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	selected socio-demographic factors among children aged 18–30 months in northern Vietnam, 2017			Systems/ 1752-4458	(IF: 2.940)			
29.	Prevalence and correlates of multimorbidity among adults in border areas of the Central Highland Region of Vietnam, 2017	9	Không	Journal of Multimorbidity and Comorbidity/ 2633-5565	Tạp chí Pubmed (IF: x)	2	9(3):2235042X1985338	5/2019
30.	Controlling the COVID-19 Pandemic in Vietnam: Lessons From a Limited Resource Country	3	**Có**	Asia-Pacific Journal of Public Health/ 1010-5395	Tạp chí ISI, Scopus (IF: 1.399)	17	32(4):161-162	5/2019
31.	Equitable recovery from COVID-19: bring global commitments to community level	9	Không	BMJ Global Health/ 2059-7908	Tạp chí ISI, Scopus (IF: 5.558)	1	6:e004757	12/2020
Bài báo khoa học trong nước								
32.	Vai trò của cán bộ lãnh đạo địa phương trong một Can thiệp cộng đồng nhằm tăng cường áp dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc sức khỏe sơ sinh (NeoKIP) tại Quảng Ninh,	2	**Có**	Tạp chí Y tế Công cộng/ 1859-1132	x	x	36 (6): 48-52	6/2015

Scanned with CamScanner

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	2008-2011							
33.	Năng lực cung cấp dịch vụ cấp cứu sản khoa cơ bản và toàn diện tại các tuyến của tỉnh Kon Tum giai đoạn 1995-2012	3	Không	Tạp chí Y học Thực hành/ 1859-0748	x	x	4(915): 172-175	9/2014
34.	Xu hướng sử dụng dịch vụ chăm sóc trước, trong và sau khi sinh của các bà mẹ tại 2 tỉnh Ninh Thuận và Kon Tum trong 10 năm (2002-2012)	4	Không	Tạp chí Y dược học Quân sự/ 1859-0748	x	x	39(6): 40-49	7/2014
35.	Xây dựng phần mềm tra cứu thuật ngữ của một số chuyên ngành Y tế công cộng	2	Không	Tạp chí Y tế Công cộng/ 1859-1132	x	x	6: 50-53	9/2006
36.	Hành vi tình dục an toàn không an toàn ở tuổi vị thành niên tại Hà Nội, năm 2019	4	**Có**	Tạp chí Y tế Công cộng/ 1859-1132	x	x	53: 56-64	9/2020
37.	Đánh giá các hành vi nguy cơ tai nạn thương tích không chủ đích và bạo lực của vị thành niên tại Hà Nội, năm 2019	8	Không	Tạp chí Nghiên cứu Sức khoẻ và phát triển/ 2588-1442	x	x	4 (4-2020): 80-89	4/2020
38.	Thực trạng vận động thể lực của học sinh cấp 3 ở Hà Nội năm	7	Không	Tạp chí Y tế Công cộng/ 1859-1132	x	x	52: 59-67	6/2020

Scanned with CamScanner

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	2019							
39.	Thực trạng hành vi sử dụng rượu bia của học sinh trung học phổ thông tại thành phố Hà Nội, năm 2019	6	Không	Tạp chí Y tế Công cộng/ 1859-1132	x	x	52: 50-58	6/2020
40.	Thực trạng ứng dụng hồ sơ bệnh án điện tử của nhân viên y tế và một số yếu tố ảnh hưởng tại Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp Hà Nội năm 2020	6	Không	Tạp chí Y Dược học/ 2734-9209	x	x	12 (1): 16-23	1/2021
41.	Tính khả thi của phương pháp đánh giá độ hiểu và độ tin cậy kiểm tra lại của Bộ công cụ đo lường môi trường làm việc của Cán bộ y tế (COACH) tại Quảng Ninh	2	Có	Tạp chí Nghiên cứu Sức khoẻ và phát triển/ 2588-1442	x	x	2 (2-2018): 86-93	2/2018
42.	Thực trạng tham gia nghiên cứu khoa học của điều dưỡng các khoa lâm sàng và một số yếu tố liên quan tại Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí	3	Không	Tạp chí Y học cộng đồng/ 2354-0613	x	x	59: 171-176	6/2020
43.	Động lực làm việc của bác sĩ và một số yếu tố	3	Không	Tạp chí Y học cộng đồng/	x	x	55: 113-118	4/2020

Scanned with CamScanner

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	ảnh hưởng tại bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí năm 2019			2354-0613				
44.	Đánh giá thực trạng kiến thức và thực hành các biện pháp phòng chống nhiễm khuẩn vết mổ của các cán bộ y tế tại bệnh viện 19.8 năm 2017	4	Không	Tạp chí Nghiên cứu Sức khoẻ và phát triển/ 2588-1442	x	x	3 (1-2019): 93-100	1/2019
45.	Thực trạng cung cấp dịch vụ chăm sóc mắt tại các Trung tâm Y tế tuyến huyện tỉnh Phú Thọ năm 2020	4	Không	Tạp chí Y Dược học/ 2734-9209	x	x	12 (1): 23-28	1/2021
46.	Đánh giá chất lượng và sự hài lòng với dịch vụ phòng chống HIV/AIDS từ phía người sử dụng tại 7 tỉnh năm 2020	8	Không	Tạp chí Y học dự phòng/ 0868-2836	x	x	31 (3): 146-154	3/2021
47.	Đánh giá kết quả thực hiện và một số thuận lợi, khó khăn của dự án an toàn thực phẩm giai đoạn 2016 – 2020	8	Không	Tạp chí Nghiên cứu Sức khoẻ và phát triển/ 2588-1442	x	x	5 (3-2021): 28-35	3/2021
48.	Thực trạng rối loạn phổ tự kỷ ở trẻ em 18 - 30 tháng tuổi và một số yếu tố nguy cơ trước và trong	2	Không	Tạp chí Y học dự phòng/ 0868-2836	x	x	31 (7): 73-81	7/2021

Scanned with CamScanner

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	khi sinh tại 3 tỉnh miền Bắc Việt Nam, năm 2017							
49.	Thực trạng tuân thủ điều trị của bệnh nhân tăng huyết áp điều trị ngoại trú tại khoa Khám bệnh, Trung tâm Y tế huyện Thoại sơn, tỉnh An Giang năm 2020	3	Không	Tạp chí Y học dự phòng/ 0868-2836	x	x	30 (6): 35-41	6/2020
50.	Thực trạng tăng huyết áp và chất lượng cuộc sống của người cao tuổi mắc bệnh tăng huyết áp tại thị xã Chí Linh, Hải Dương và huyện Kim Bôi, Hòa Bình năm 2018	4	Không	Tạp chí Y tế Công cộng/ 1859-1132	x	x	52: 18-27	6/2020
51.	Thực trạng sức khỏe và chất lượng cuộc sống của người cao tuổi tại thị xã Chí Linh, Hải Dương và Kim Bôi, Hòa Bình năm 2018.	5	Không	Tạp chí Y tế Công cộng/ 1859-1132	x	x	49: 16-24	9/2019
II	**Sau khi được công nhận PGS/TS**							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 05 bài, thứ tự (3-7).

Scanned with CamScanner

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố *(Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)*

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	**Trước khi được công nhận PGS/TS**						
1.							
2.							
3.							
II	**Sau khi được công nhận PGS/TS**						

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: KHÔNG

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

Scanned with CamScanner

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: KHÔNG

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: KHÔNG

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): x

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): x
- Giờ giảng dạy
  - Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): x
  - Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): x
- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT: x
  - Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức ☐ danh GS)
  - Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: x
  - Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ☐ ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)
  - Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: x

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh ☐ GS)
  - Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: x

Scanned with CamScanner

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (ƯV chức danh ☒ PGS)
    - Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: x
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:
    - Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: ☐ 03 CTKH; ☐ 04 CTKH
    - Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....
- Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 ☐ CTKH
    - Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
  .....
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:
  .....

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

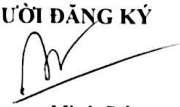

Dương Minh Đức

Scanned with CamScanner